

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh.
2. Ông Nguyễn Thanh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2021 và các Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 14/2021/TB-TA ngày 14/7/2021, số: 18/2021/TB-TA ngày 02/8/2021, số: 20/2021/TB-TA ngày 20/8/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Trúc L, sinh năm 1981, địa chỉ: Số 33, tổ 08, khóm Thới H, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang, vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 33, tổ 08, khóm Thới H, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2021, bản tự khai, nguyên đơn là bà Đặng Thị Trúc L trình bày:

Bà và ông Trần Văn M chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 31/12/2001, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông M đánh đập bà phải nhập viện, bà phải thuê nhà ở riêng, một thời gian sau thì con bệnh, ông M năn nỉ bà nên chung sống lại. Sau một thời gian chung sống lại, ông M không sửa chữa mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, có lúc đánh nhau, bất đồng quan điểm, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông M đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà L và ông M có 02 người con chung tên Trần Thị Lệ T, sinh ngày 11/5/2001 và Trần Ngọc Diệu U, sinh ngày 14/02/2013. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Ngọc Diệu U, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung, đối với Trần Thị Lệ T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 03/6/2021, bị đơn là ông Trần Văn M trình bày: Việc bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông thì ông không ý kiến, Tòa án cứ giải quyết, ông không đồng ý đến Tòa án giải quyết khi Tòa án triệu tập. Ông M thừa nhận có đánh đập bà L.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông M vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Bà L và ông M chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, ông M đánh đập bà L phải nhập viện, bà L và ông M đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Trần Thị Lệ T đã trưởng thành và cháu Trần Ngọc Diệu U hiện do bà L đang nuôi dạy, cháu Uyên có nguyện vọng được sống với bà L. Do đó bà L yêu cầu được nuôi dạy cháu Uyên, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông M theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân:

Bà L và ông M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 31/12/2001 đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà L thì bà và ông M phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2015 do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, ông M đánh đập bà phải nhập viện, bà phải thuê nhà ở riêng, sau đó ông M năn nỉ nên bà về chung sống lại. Sau một thời gian chung sống lại, ông M không sửa chữa mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, có lúc đánh nhau, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông M đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà L và ông M. Tại biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 03/6/2021, bị đơn là ông Trần Văn M trình bày: Ông M thừa nhận quá trình chung sống có đánh đập bà L. Việc bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông thì ông không ý kiến, Tòa án cứ giải quyết, ông không đồng ý đến Tòa án giải quyết khi Tòa án triệu tập.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà L yêu cầu ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung:

Bà L và ông M có 02 người con chung tên Trần Thị Lệ T, sinh ngày 11/5/2001 và Trần Ngọc Diệu U, sinh ngày 14/02/2013. Xét thấy cháu U do bà L nuôi dạy từ khi bà L và ông M sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Cháu U có nguyện vọng được sống cùng với bà L. Do đó bà L yêu cầu được nuôi dạy cháu U là có căn cứ chấp nhận. Bà L không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Trần Thị Lệ T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Trúc L.

Bà Đặng Thị Trúc L được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung:

Bà Đặng Thị Trúc L được nuôi dạy chúa Trần Ngọc Diệu U, sinh ngày 14/02/2013. Ông Trần Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0006229 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Trần Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- UBND thị trấn Nhà Bàng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

